|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS TRẦN HÀO **TỔ: SỬ - ĐỊA – TIẾNG ANH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2024 - 2025)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp**: 04 ; Số học sinh: 155 HS ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không có

**2. Tình hình đội ngũ: - Số giáo viên**: 09 người (nữ 7 người) ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 2 người;

Đại học: 7 người; Trên đại học: 0 người.

 **- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 9 người ; Khá: 0 người ;

 Đạt: 0 người ; Chưa đạt: 0 người.

 - **Giáo viên giảng dạy môn GDCD 6**: 1 người (nữ)

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/ thực hành** | **Ghi chú** |
| **1** | - Máy tính/Tivi- Tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ.- Giấy A0/ bút lông. | 01 | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình ,dòng họ. | - Máy tính cá nhân. |
| **2** | - Máy tính/Tivi ; Giấy A0/ bút lông.- Tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt. | 01 | Bài 2: Yêu thương con người. |  |
| **3** | - Máy tính/Tivi ; Giấy A0/ bút lông.- Bộ tranh về những việc làm thể hiện sự chăm chỉ siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hàng ngày. | 01 | Bài 3: Siêng năng kiên trì. | - Máy tính cá nhân. |
| **4** |  - Máy tính/Tivi ; Giấy A0/ bút lông-Video/clip về tình huống trung thực | 01 | Bài 4: Tôn trọng sự thật. | - Máy tính cá nhân. |
| **5** | - Máy tính/Tivi ; Giấy A0/ bút lông-Video/clip về tình huống tự lập | 01 | Bài 5: Tự lập.  | - Máy tính cá nhân. |
| **6** | - Máy tính/Tivi ; Giấy A0/ bút lông- Video tình huống về việc tự giác làm việc nhà- Bộ dụng cụ thực hành tự nhận thức bản thân | 01 | Bài 6: Tự nhận thức bản thân. |  |
| **7** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm.- Bộ dụng cụ cho học sinh thực hành ứng phó với các tình huống nguy hiểm | **01** | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | - Máy tính cá nhân |
| **8** | - Máy tính/Tivi ; Giấy A0/ bút lông- Video/clip tình huống về tiết kiệm- Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước- Bộ dụng cụ, thực hành tiết kiệm | **01** | Bài 8: Tiết kiệm | - Máy tính cá nhân |
| **9** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Bộ tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa nhà nước và công dân**-** Video hướng dẫn về quy trình khai sinh cho trẻ em. | **01** | Bài 9: Công dân nước cộng hòa XHCN Việt NamBài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam | - Máy tính cá nhân |
| **10** | - Máy tính/Tivi ; Giấy A0/ bút lông- Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em | **01** | Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em. Và Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em | - Máy tính cá nhân |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bài tập** *:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| **1** | - Sân thể dục | **01**  | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | - Học sinh biết thực hiện một số bước đơn giản và phù hợp để phòng, tránh và ứng phó với các tình huống nguy hiểm. |
| - Lớp học  | **02** |

**II. Kế hoạch dạy học.**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**(1) | **Số tiết**(2) | **Yêu cầu cần đạt**(3) |
| **Học kì I (18 tuần/18 tiết)** |
| 1 | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ | 3 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.+ HS nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.+ Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.+ Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 2 | Bài 2: Yêu thương con người | 2 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 3 | Bài 3: Siêng năng, kiên trì | 2 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, cần cù. |
| 4 | **Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I**  | 1 | **1. Năng lực:**Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.**2. Phẩm chất:** Trung thực, chăm chỉ... |
| 5 | **Bài** 4: Tôn trọng sự thật | 2 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm. |
| 6 | Bài 5: Tự lập | 3 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác + Nêu được khái niệm tự lập.+ Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.+ Hiểu vì sao phải tự lập.+ Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.+ Tự thực hiện nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở nhà trường và trong sinh hoạt cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, yêu nước, nhân ái. |
| 7 | Bài 6: Tự nhận thức bản thân | 3 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.+ Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.+ Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ bản thân.+ Biết tôn trọng bản thân; xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân.+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:**  Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 8 | Ôn tập học kỳ I | 1 | **1. Năng lực:**- Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.+ Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.+ Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. + Củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 6. - Năng lực đặc thù: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.**3. Phẩm chất:** Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |
| 9 | **Kiểm tra, đánh giá cuối học kì I** | 1 | **1. Năng lực:**Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.**2. Phẩm chất:** Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái |
| **Học kì II (17 tuần/17 tiết)** |
| 10 | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm | 3 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.+ Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.+ Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.+ Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, nhân ái. |
| 11 | Bài 8: Tiết kiệm | 3 | **1. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.+ Nêu được khái niệm tiết kiệm và những biểu hiện của tiết kiệm.+ Giải thích được vì sao phải tiết kiệm.+ Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện tiết kiệm của bản thân và người xung quanh.+ Phê phán những biểu hiện của lãng phí trong cuộc sống và trong học tập.+ Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống và trong học tập.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm. |
| 12 | Bài 9: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 2 | **2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.+ Nêu được khái niệm công dân.+ Nêu được căn cứ xác định công dân nước CHXHCNVN.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: yêu nước, cần cù, trách nhiệm. |
| 13 | **Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II** | 1 | **1. Năng lực:**Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.**2. Phẩm chất:** Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái  |
| 14 | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam | 2 | **1. Năng lực:** - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.+ Nêu được quy định của Hiến Pháp nước CHXHCNVN về quyền và nghĩa vụ của công dân.+ Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân phù hợp với lứa tuổi.+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:** trung thực, trách nhiệm. |
| 15 | Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em | 2 | **1. Năng lực:** - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.+ Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.+ Nêu được ý nghĩa quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:** nhân ái, cần cù, trung thực, trách nhiệm. |
| 16 | Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em | 2 | **1. Năng lực:** - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.+ Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong thực hiện quyền trẻ em.+ Phân biệt được hành vi thực hiện và hành vi vi phạm quyền trẻ em.+ Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.+ Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của gia đình, nhà trường và xã hội; bày tỏ được nhu cầu thực hiện tốt quyền trẻ em.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**2. Phẩm chất:** nhân ái, cần cù, trung thực, trách nhiệm. |
| 17 | Ôn tập học kỳ II | 1 | - Củng cố, hệ thống kiến thức từ bài 7 đến bài 12- Sơ lược những nội dung cần kiểm tra từ bài 1 đến bài 6 |
| 18 | **Kiểm tra, đánh giá cuối học kì II** | 1 | **1. Năng lực:**- Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề. Củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 12.- Năng lực đặc thù: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.**2. Phẩm chất:** Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**(1) | **Thời điểm**(2) | **Yêu cầu cần đạt**(3) | **Hình thức**(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 8 | Cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá theo phân phối chương trình. | Viết trên giấyTL (60%), TN (40%) |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá theo phân phối chương trình. | Viết trên giấyTL (60%), TN (40%) |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá theo phân phối chương trình. | Viết trên giấyTL (60%), TN (40%) |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | Cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá theo phân phối chương trình. | Viết trên giấyTL (60%), TN (40%) |

**III. Các nội dung khác:**

1. Công tác dự giờ, xây dựng bài dạy và đánh giá việc học của học sinh: dự 4 tiết/ năm
2. Tham gia Hội giảng cấp trường: 1 tiết
3. Phụ đạo học sinh có kết quả học tập xếp loại: chưa đạt (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
|  **TỔ TRƯỞNG** **Người thực hiện : Đặng Thị Diệu** | *Hòa Quang Nam, ngày 29 tháng 9 năm 2024***HIỆU TRƯỞNG** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |